



BAN QUẢN LÝ CÁC KINH CÔNG NGHIỆP
TỈNH HUNG YÊN

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 01/2024
Ngày: 18 tháng 03 năm 2024
Ký tên: [Signature]

BẢNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG/BUILDING AREA TABLE

STT NO.	HẠNG MỤC ITEMS	NHÀ KHO, XƯỞNG WAREHOUSES, FACTORS	SÀN LŨNG MEZZANINE	VĂN PHÒNG (2T) OFFICES	SỐ TẦNG BUILDING NUMBER OF FLOORS	DTXD(M2) BUILDING AREA(m2)	DIỆN TÍCH SÀN (M2) Total floor area	CHIỀU CAO HEIGHT(M)
A	KHU 1: GỒM CÁC LÔ E4, E5, E6, E10, E11, E12 ZONE 1: INCLUDES LOTS E4, E5, E6, E10, E11, E12					59,159.93	66,737.25	
01	NHÀ KHO 1 / WAREHOUSE 1					28,158.49	31,977.15	
	KHO W1 / WAREHOUSE W1	7,237.38	868.13	125.29	2	7,362.67	8,356.09	16.12
	KHO W2 / WAREHOUSE W2	7,190.49	862.50	125.29	2	7,315.78	8,303.57	16.12
	KHO W5 / WAREHOUSE W5	7,190.49	862.50	125.29	2	7,315.78	8,303.57	16.12
	KHO W6 / WAREHOUSE W6	6,038.97	724.38	125.29	2	6,184.26	7,013.92	16.12
02	NHÀ KHO + XƯỞNG 2 / WAREHOUSE + FACTORY 2					28,158.49	31,977.15	
	KHO W3 / WAREHOUSE W3	7,237.38	868.13	125.29	2	7,362.67	8,356.09	16.12
	KHO W4 / WAREHOUSE W4	7,190.49	862.50	125.29	2	7,315.78	8,303.57	16.12
	XƯỞNG F7 / FACTORY F7	7,190.49	862.50	125.29	2	7,315.78	8,303.57	16.12
	XƯỞNG F8 / FACTORY F8	6,038.97	724.38	125.29	2	6,184.26	7,013.92	16.12
03	NHÀ BẢO VỆ 1 / GUARD HOUSE 1				1	46.80	46.80	3.50
04	NHÀ BẢO VỆ 2 / GUARD HOUSE 2				1	23.40	23.40	3.50
	NHÀ XE / MOTORCYCLES PARKING					1,845.00	1,845.00	
05	NHÀ XE 1 / MOTORCYCLE PARKING 1				1	288.00	288.00	3.60
06	NHÀ XE 2 / MOTORCYCLE PARKING 2				1	288.00	288.00	3.60
07	NHÀ XE 3 / MOTORCYCLES HOUSE 3				1	288.00	288.00	3.60
08	NHÀ XE 4 / MOTORCYCLES HOUSE 4				1	288.00	288.00	3.60
09	NHÀ XE 5 / MOTORCYCLES HOUSE 5				1	693.00	693.00	3.85
10	CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ 1 / AUXILIARY HOUSES 1					935.60	935.60	
	BỂ NƯỚC PCCC+SH 1 / DOMESTIC, FF WATER TANK 1				1	480.00	480.00	4.25
	PHÒNG BƠM 1 / PUMP ROOM 1				1	120.00	120.00	6.05
	PHÒNG KỸ THUẬT 1 / TECHNICAL HOUSE 1				1	150.00	150.00	6.05
	PHÒNG MÁY PHÁT ĐIỆN 1 / GENERATOR ROOM 1				1	33.60	33.60	6.05
	PHÒNG MBS 1 / MBS ROOM 1				1	72.00	72.00	6.05
	PHÒNG MÁY BIẾN ÁP 1 / TRANSFORMER RM 1				1	40.00	40.00	6.05
	NHÀ RÁC 1 / GARBAGE ROOM 1				1	40.00	40.00	6.05
11	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI 1 / DOMESTIC AREA 1					15.54	15.54	
	PHÒNG VẬN HÀNH 1 / CONTROL ROOM STP 1				1	15.54	15.54	3.60
	BỂ XỬ LÝ SINH HOẠT 1 / DOMESTIC TANK 1				1			
B	KHU 2: GỒM CÁC LÔ G4, G5, G6 ZONE 2: INCLUDES LOTS G4, G5, G6					18,643.71	22,966.98	
12	NHÀ KHO + XƯỞNG 3 / WAREHOUSE + FACTORY 3					17,017.77	21,341.04	
	KHO W9 / WAREHOUSE 9	5,503.26	1,344.56	101.84	2	5,605.10	7,051.50	14.85
	KHO W10 / WAREHOUSE 10	5,500.98	1,342.28	101.84	2	5,602.82	7,049.94	14.85
	XƯỞNG F11 / FACTORY 11	5,708.01	1,330.91	101.84	2	5,809.85	7,242.60	14.95
	NHÀ BẢO VỆ 3 / GUARD HOUSE 3				1	46.80	46.80	
13	NHÀ BẢO VỆ 3 / GUARD HOUSE 3				1	23.40	23.40	3.50
14	NHÀ BẢO VỆ 4 / GUARD HOUSE 4				1	23.40	23.40	3.50
	NHÀ XE / MOTORCYCLES PARKING					683.54	683.54	
15	NHÀ XE 6 / MOTORCYCLES PARKING 6				1	242.54	242.54	3.60
16	NHÀ XE 7, PHÒNG VẬN HÀNH 2 / MOTORCYCLES PARKING 7, CONTROL ROOM STP 2				1	441.00	441.00	3.85
	BỂ XỬ LÝ 2 / DOMESTIC TANK 2				1			
17	CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ 2 / AUXILIARY HOUSES 2					895.60	895.60	
	BỂ NƯỚC PCCC+SH 2 / FIRE FIGHTING WATER TANK, DOMESTIC WATER TANK 2				1	440.00	440.00	4.25
	PHÒNG BƠM 2 / PUMP ROOM 2				1	120.00	120.00	6.05
	PHÒNG KỸ THUẬT 2 / TECHNICAL HOUSE 2				1	150.00	150.00	6.05
	PHÒNG MÁY PHÁT ĐIỆN 2 / GENERATOR ROOM 2				1	33.60	33.60	6.05
	PHÒNG MBS 2 / MBS ROOM 2				1	72.00	72.00	6.05
	PHÒNG MÁY BIẾN ÁP 2 / TRANSFORMER RM 2				1	40.00	40.00	6.05
	NHÀ RÁC 2 / GARBAGE ROOM 2				1	40.00	40.00	6.05
C	TỔNG CỘNG KHU 1 + KHU 2 TOTAL ZONE 1 + ZONE 2					77,803.64	89,764.23	

KÝ HIỆU:

- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG
- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG
- ĐƯỜNG TẢI NẶNG
- ĐƯỜNG TẢI NHẸ
- CÂY XANH THẨM CỎ
- GẠCH LỖ TRỐNG CỎ
- CÂY XANH KCN

STT No.	HẠNG MỤC ITEM	DVT UNIT	DIỆN TÍCH AREA	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG RATIO
I	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG TOTAL BUILDING AREA	m2	77,803.64	60.14%
II	CÂY XANH TOTAL GREEN AREA	m2	26,969.43	20.85%
III	ĐƯỜNG GIAO THÔNG, SÂN BÀI ROAD & PARKING AREA	m2	24,598.93	19.01%
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TOTAL LAND AREA	m2	129,372.00	100.00%

SCHEDULE OF AREAS - ZONE 1

STT	SITE AREA / DIỆN TÍCH DỰ ÁN	95,072.00 Sqm
	WAREHOUSE W1,W3 / KHO W1,W3	2 7,237.38 Sqm
	MEZZANINE W1,W3 / TẦNG LỬNG W1,W3	2 868.13 Sqm
	WAREHOUSE W2,W4 / KHO W2,W4	2 7,190.49 Sqm
	MEZZANINE W2,W4 / TẦNG LỬNG W2,W4	2 862.50 Sqm
	WAREHOUSE W5,FACTORY F7 / KHO W5, XƯỞNG F7	2 7,190.49 Sqm
	MEZZANINE W5,F7 / TẦNG LỬNG W5,F7	2 862.50 Sqm
	WAREHOUSE W6,FACTORY F8 / KHO W6, XƯỞNG F8	2 6,038.97 Sqm
	MEZZANINE W6,F8 / TẦNG LỬNG W6,F8	2 724.38 Sqm
	8 x OFFICE / 8 NHÀ VP	8 250.58 Sqm
	TOTAL LEASABLE AREA / DIỆN TÍCH CHO THUÊ	63,954.31 Sqm

SCHEDULE OF AREAS - ZONE 2

STT	SITE AREA / DIỆN TÍCH DỰ ÁN	34,300.00 Sqm
	WAREHOUSE W9 / KHO W9	1 5,503.26 Sqm
	MEZZANINE W9 / TẦNG LỬNG W9	1 1,344.56 Sqm
	WAREHOUSE W10 / KHO W10	1 5,500.98 Sqm
	MEZZANINE W10 / TẦNG LỬNG W10	1 1,342.28 Sqm
	FACTORY F11 / XƯỞNG F11	1 5,708.01 Sqm
	MEZZANINE F11 / TẦNG LỬNG F11	1 1,330.91 Sqm
	3 x OFFICE / 3 NHÀ VP	3 203.68 Sqm
	TOTAL LEASABLE AREA / DIỆN TÍCH CHO THUÊ	21,341.04 Sqm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH TRÚC VÀ XÂY DỰNG
TRƯỜNG DƯƠNG

ĐÃ THẨM TRA
VĂN BẢN SỐ: 44/CS-13, ĐTL 04
NGÀY: 18 THÁNG 03 NĂM 2024
CÁN BỘ THẨM TRA: [Signature]
KÝ TÊN: Trương Bá Duyệt

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT TL:1/1000
GROUND MASTER PLAN SC:1/1000

KEY PLAN - VỊ TRÍ:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

LOGOS

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGOS VIỆT NAM HY 1
LOGOS VIETNAM HY 1 JOINT STOCK COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGOS VIỆT NAM HY 1
NGUYỄN VĂN THẠCH

TỔNG THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG
DESIGN AND BUILD CONTRACTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY NO. 1

COFICO
Since 1975
BUILDING A BETTER FUTURE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
NGUYỄN VĂN THẠCH

Địa chỉ: 108 Cao Thắng, phường 4, quận 3, tp. HCM
Add: 108 Cao Thắng st, ward 4, district 3, HCM city

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIC DESIGN

THIẾT KẾ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY FIRE FIGHTING DESIGN

THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN

THIẾT KẾ THI CÔNG CONSTRUCTION DESIGN

HOÀN CÔNG AS - BUILT

STT No. NGÀY HIỆU CHỈNH REVISION DATE

CÔNG TY CP T V & X D SỐ 1 SÀI GÒN
NO 1 SAI GON, JSC

NO 1 SAI GON

35 Lô A- P. An Bình-TP. Biên Hòa-Đồng Nai
35 Lot A- An Binh ward- Bien Hoa city- Dong Nai province

Tel/Fax: (0251) 886 9310 - 0908 294 410 - 0918 179 113
Email: 31@xaydungso1saigon.com-Web: xaydungso1saigon.com

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THS. NGUYỄN DANH

CHỦ TRÌ - PRESIDED BY

KTS. NGUYỄN THỊ HOA HUỆ

CHỦ NHIỆM - DESIGN MANAGER

KTS. NGUYỄN THỊ HOA HUỆ

THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KTS. HỒ TRỌNG LÀNH

KIỂM TRA- CHECKED BY

KTS. ĐỖ NHƯ MẠI KHANH

CÔNG TRÌNH - PROJECT

DỰ ÁN TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP

LOGOS

LOGOS INDUSTRIAL COMPOUND

PROJECT

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

Lô E4, E5, E6, E10, E11, E12, G4, G5 và G6 Khu

Công Nghiệp số 03, Xã Xuân Trù, Huyện Ân Thi,

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Lô E4, E5, E6, E10, E11, E12, G4, G5 and G6

Industrial Park No. 03, Xuân Tru Commune,

An Thi District, Hung Yen Province, Vietnam

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

MASTER

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT

GROUND MASTER PLAN

SỐ BẢN VẼ

DRAWING No

NGÀY - DATE

07/2024

A-00-11-01

DWG: A1